

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 -9- 2022

V/v xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Tâm;

Bà H' Rum Niê;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, về việc “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Nguyệt H; địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông T. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Chỗ ở hiện nay: 2100 W, TX 75006, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Cao Nguyệt H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 16/04/2018, tôi và Ông T đăng ký kết hôn tại UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk và đã được UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04.

Trong thời gian đầu, chúng tôi sinh sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó đã phát sinh mâu thuẫn khi Ông T muốn trở về Hoa Kỳ để làm việc và định cư và muốn tôi rời bỏ quê hương sang Hoa Kỳ cùng ông ấy. Điều này đã trái ngược lại với bản tính ban đầu của chúng tôi là làm việc và sinh sống tại Việt Nam. Sự việc trở nên nghiêm trọng khi Ông T đề nghị ly thân và trở về Hoa Kỳ để làm việc và định cư còn tôi vẫn sinh sống ở Việt Nam. Những điều này dẫn đến đời sống vợ chồng xa cách, không

tìm được tiếng nói chung, bất đồng trong quan điểm và không thể hàn gắn được. Cho đến hiện nay, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã khiến cho đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tôi và ông T cũng không còn tình cảm.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp thuận cho tôi được ly hôn với ông T.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tạo lập tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị đơn ông T trình bày:

Tôi và bà H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/04/2018. Sau khi kết hôn tôi sống ở Việt Nam một thời gian ngắn, sau đó sang Hoa Kỳ còn bà H vẫn sinh sống ở Việt Nam. Hiện nay tôi tự nhận thấy không còn tình cảm với bà H hơn nữa chúng tôi cách trở quá lớn về địa lý nên không thể đoàn tụ được. Nay bà H xin ly hôn thì tôi đồng ý. Đề nghị Tòa án cho tôi và bà H được ly hôn với nhau.

Về con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Cao Nguyệt H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa; Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Nguyệt H; Bà Cao Nguyệt H được ly hôn với ông T. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngày 13/5/2022 Bà H nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với ông T; địa chỉ: 2100 W, TX 75006, USA. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông T, có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự. Trước khi mở phiên tòa bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228; khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3]. Về nội dung:

Bà H và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Việc kết hôn là hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn ông T sinh sống ở nước ngoài, còn bà H thì sống ở Việt Nam. Do cách trở về địa lý nên bà H với ông T chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại và qua Face Book. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông T.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay bà H và ông T không còn tình cảm với nhau, sau khi kết hôn ông bà không chung sống với nhau, mà chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại và mạng xã hội nên thực tế hôn nhân không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông T đều thừa nhận hiện nay không còn tình cảm với nhau, nên đề nghị Tòa án cho ông bà được ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, nếu tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân của bà H và ông T như hiện tại cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai người. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H và ông T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Bà Cao Nguyệt H phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470; khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123; khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Nguyệt H.
Bà Cao Nguyệt H được ly hôn với ông T.

[3]. Về án phí: Bà Cao Nguyệt H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí do bà H đã nộp theo biên lai thu số 0019050, ngày 20/5/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự cư trú trong nước vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Đương sự cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Dân

